

Bản án số 114/2020/HS-ST
Ngày 03 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 và ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 104/QĐXXST-HS ngày 14/10/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/HS-QĐ ngày 29/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành L** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 11 tháng 6 năm 1986 tại Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 8, khu 2, phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm: 1961 và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1960; có vợ là chị Lê Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trương Văn H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 09 tháng 8 năm 1995 tại Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 2, thôn M Th, phường V D, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ, sinh năm: 1975 và bà Trương Thị Ph, sinh năm: 1977; có vợ là chị Lý Thị Th, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tháng 2/2016 bị Công an thành phố Uông Bí xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; Tháng 9/2016 bị Công an thành phố Uông Bí xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 08/7/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Văn T** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 10 năm 1981 tại Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 5, khu C N, phường M Kh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Danh S, sinh năm: 1954 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1950; có vợ là chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/7/2020, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh **Võ Hồng Q**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ 13, khu 4, phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:**

1. Anh **Hoàng Ngọc H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khu 5, phường Đ Ch, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: khu Y L 2, phường Đ Ch, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ 23, khu 7, phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh **Nguyễn Quang Th**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 23, ngõ 105, phường X L, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh **Đào Đức S**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 4, khu C Ng, phường Ph Đ, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh **Trần Công Đ**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ 18, khu 3, phường Tr V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành L, Trần Văn T và Trương Văn H là bạn của nhau. Chiều 06/4/2020, L thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 14A-411.39 của anh Đào Đức S (*trú tại tổ 4, khu C Ng, phường Ph Đ, thành phố Uông Bí*) để đi thành phố Hà Nội, rồi rủ T và H đi cùng. Khoảng 08 giờ ngày 08/4/2020, L điều khiển xe ô tô thuê được đến khu vực rạp hát, thuộc phường Q Tr, thành phố Uông Bí đón T và H. Trên xe, Luân sử dụng điện thoại của T vào mạng xã hội Facebook, thì thấy anh Võ Hồng Q (*trú tại tổ 13, khu 4, phường Q Tr, thành phố Uông Bí*) đăng thông tin tìm người vận chuyển 01 chiếc máy rửa xe nhãn hiệu V-JET của anh Q cho anh Nguyễn Quang Th (*trú tại phường X L, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội*). L sử dụng điện thoại di động của T gọi cho anh Q, thống nhất việc vận chuyển máy rửa xe cho anh Q với giá 400.000 đồng. Sau đó, L bảo T điều khiển xe ô tô đến xưởng sửa chữa xe của anh Q tại tổ 3, khu 11 phường Th S, thành phố Uông Bí để lấy máy rửa xe. Đến nơi, Khoảng 08 giờ 30 phút, T và H xuống xe vào gặp anh Q, cả hai khiêng máy rửa xe (*đi kèm với máy có 01 đoạn vòi nước, vỏ nhựa màu đen, có tổng chiều dài khoảng 10 mét, đầu vòi nối với súng bắn nước có tay cầm bằng nhựa màu đen*) để ở cốp xe ô tô, rồi T điều khiển xe ô tô đi về phía khu vực thị xã Đông Triều. Trên đường đi, do cần tiền chi tiêu

cá nhân, L đã bàn với T và H đem chiếc máy rửa xe trên đi cầm cố, T, H đồng ý. L liên hệ với anh Hoàng Ngọc H (*trú tại phường Đ Ch, thị xã Đông Triều*), nhờ anh H chỉ chỗ cầm cố tài sản, rồi hẹn đón anh H ở khu vực ngã ba đường tránh nội thị, thị xã Đông Triều. Khi đón được H, cả bọn nói dối H là chiếc máy rửa xe của H, đang cần tiền nên cầm cố lấy tiền chi tiêu. Anh H đã dẫn cả nhóm đến quán sửa xe của anh Nguyễn Ngọc N (*tại khu Y L 2, phường Đ Ch*). Anh H cùng H và T đem chiếc máy rửa xe trên vào quán của anh N, cầm cố được số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe ô tô đưa anh H về, rồi cả ba tiếp tục đi về hướng thành phố Hà Nội. Số tiền cầm cố máy rửa xe, cả bọn chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/4/2020, thấy khách hàng chưa nhận được máy rửa xe, anh Q liên lạc với L, thì L nói dối vì tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa chuyển được. Sau đó, anh Q nhiều lần liên lạc với L nhưng L tắt máy. Ngày 10/4/2020, anh Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Uông Bí trình báo sự việc. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Thành L đến làm việc, Luân nhờ chú của mình là ông Nguyễn Đình L (*trú tại khu 7, phường Q Tr, thành phố Uông Bí*) đến quán sửa xe của anh Nguyễn Ngọc N để chuộc lại chiếc máy rửa xe, giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 23/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Uông Bí kết luận: 01 máy rửa xe hơi nước nóng nhãn hiệu V-JET, màu ghi xám, kích thước (65x45x95)cm, mặt trước có bảng đồng hồ hình tròn, mặt sau máy đầu nối với dây điện chiều dài khoảng 4,5m. Đi kèm với máy có 01 đoạn vòi nước, vỏ nhựa màu đen, có tổng chiều dài khoảng 10m, đầu vòi nối với súng bắn nước có tay cầm bằng nhựa màu đen, có giá là 35.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 105/KSĐT-HS ngày 06/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt 25/7/2020, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt 25/7/2020, về tội, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thấy ăn năn hối cải. Lời nói sau cùng, các bị cáo đã thấy ân hận về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Võ Hồng Q và những người làm chứng: Anh Hoàng Ngọc H, anh Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Đình L, anh Nguyễn Quang Th, anh Đào Đức S và anh Trần Công Đ, đều có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T đều thừa nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện vào ngày 06/4/2020 như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Các bị cáo khẳng định việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người đúng tội; không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/4/2020, tại tổ 3, khu 11, phường Th S, thành phố Uông Bí, Nguyễn Thành L hợp đồng với anh Võ Hồng Q vận chuyển chiếc máy rửa xe nhãn hiệu V-JET, trị giá 35.000.000 đồng của anh Q từ thành phố Uông Bí đi thành phố Hà Nội. Sau khi nhận được máy rửa xe, L đã cùng với Trần Văn T và Trương Văn H đem chiếc máy rửa xe trên đi cầm cố được số tiền 4.500.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Khi anh Q đòi lại tài sản, L nói dối vì tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa giao được hàng, rồi tắt máy điện thoại, không phải trả lại chiếc máy rửa xe cho anh Q. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*** quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an xã hội. Cả ba bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì hám lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo trong vụ án là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn cùng thể hiện ý chí phạm tội, tuy nhiên bị cáo L là người nhận hợp đồng vận chuyển máy rửa xe của anh Q và là người khởi xướng rủ T và H cùng tham gia. Sau khi cầm cố chiếc máy rửa xe được số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo L là người cầm tiền, chia tiền cho các bị cáo khác để chi tiêu, còn lại là bị cáo giữ để sử dụng, nên giữ vai trò đầu vụ phải chịu mức án cao nhất. Tiếp đó đến bị cáo H, sau khi được bị cáo L rủ rê, đã tích cực thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp giao dịch cầm cố chiếc máy rửa xe với anh Nguyễn Ngọc N, nói dối về tên tuổi, địa chỉ để viết giấy nhận tiền đưa cho anh N, nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án, chịu mức hình phạt ít nghiêm khắc hơn so với bị cáo L và cao hơn so với bị cáo T. Cuối cùng là bị cáo T, khi thấy L rủ rê cầm cố tài sản, bị cáo T đã giúp L liên hệ với anh Nguyễn Ngọc H, để L nhờ anh H đưa đi cầm cố tài sản. Vì vậy, bị cáo T giữ vai trò sau cùng, và chịu mức hình phạt ít nghiêm khắc hơn so với hai bị cáo L và bị cáo H.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Trương Văn H có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo L bị tạm giam nên đã nhờ chú của mình là ông Nguyễn Đình L (*trú tại khu 7, phường Q Tr, thành phố Uông Bí*) đến quán sửa xe của anh Nguyễn Ngọc N để chuộc lại chiếc máy rửa xe, giao nộp cho Cơ quan điều tra và Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Võ Hồng Q nên cho bị cáo Luân được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Thành L và Trương Văn H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe cải tạo, giáo dục các bị cáo để thành người có ích cho gia đình và xã

hội; đối với bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đảm bảo tác dụng, giáo dục, răn đe đủ để thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét thấy không cần tiếp tục phải áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Trần Văn T, do vậy hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) đến 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Đối với chiếc máy rửa xe 01 máy rửa xe hơi nước nóng nhãn hiệu V-JET, thu giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Võ Hồng Q. Anh Q không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên không đề cập;

[5] Về các tình tiết khác trong vụ án: Đối với anh Hoàng Ngọc H là người giới thiệu người nhận cầm cố và anh Nguyễn Ngọc N là người nhận cầm cố chiếc máy rửa xe 03 bị cáo chiếm đoạt được, do 02 anh H và N đều không biết nguồn gốc tài sản nên không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thành L 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 25/7/2020.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: bị cáo **Trương Văn H 08 (tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 25/7/2020.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: bị cáo **Trần Văn T 07 (bảy) tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14 (mười bốn) tháng**, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường M Kh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 67/2020/HSST- LCDKNCT, ngày 06 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đối với bị cáo Trần Văn T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Trương Văn H và Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại
- VKSND TP.Uông Bí;
- Công an TP.Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định